TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:134/2023/DS-PT
Ngày 15/6/2023
V/v *Tranh chấp đòi lại tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn.

Bà Trần Thị Chọn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2022/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 113/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hồng L, sinh năm 1973; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị B, sinh năm 1933; (chết)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng:

1. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1964; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Lê Minh H, sinh năm 1954; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà Lê Thị Cừu O, sinh năm 1956; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Th, xã Tân H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

4. Bà Lương Thị G, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

5. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

6. Ông Lê Hồng V, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị Kiều D - bị đơn, Bà Dương Thị B - Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Lê Hồng L trình bày: Ngày 15/10/2020 do bận công việc nên tôi có gửi chị ruột tôi là chị Lê Thị Kiều D số tiền 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) lúc tôi gửi tiền chị D có làm biên nhận cho tôi có ông Lê Văn Th là trưởng ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang là người chứng kiến và ký tên vào biên nhận.

Sau khi giải quyết công việc xong, cần vốn làm ăn tôi yêu cầu chị D trả lại số tiền 1.250.000.000 đồng mà chị D đang giữ dùm tôi nhưng chị D không trả cho tôi.

Đến ngày 30/11/2020 tôi có nhận từ chị D số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và có làm biên nhận cho chị D, đến ngày 15/12/2020 tôi tiếp tục nhận số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) của chị D, tổng số tiền 02 lần tôi nhận từ chị D là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), trừ đi số tiền gốc 1.250.000.000 đồng mà chị D đang giữ của tôi thì chị D còn giữ lại của tôi 600.000.000 đồng, tôi nhiều lần đến nhà chị D đòi lại nhưng chị D vẫn không trả lại cho tôi. Tôi thừa nhận chị D có trả nợ cho chị Di thay tôi số tiền 21.000.000 đồng, chị D có đưa cho anh ruột tôi là anh Lê Minh H 5.000.000 đồng, số tiền này tôi cho anh H và chị D tiếp tục đưa cho anh ruột tôi là anh Lê Hồng V số tiền 6.000.000 đồng, số tiền này tôi đồng ý cho anh V. Do vậy trừ vào số tiền 600.000.000 đồng mà chị D đang giữ của tôi thì chị D còn giữ của tôi số tiền là

568.000.000 đồng. Riêng lời khai của bà Lê Thị Cừu O, bà Lương Thị G khẳng định là tôi không có vay, mượn gì của bà O, bà G nên tôi không đồng ý khấu trừ theo lời khai nại của chị D.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông L yêu cầu chị Lê Thị Kiều D trả lại cho ông số tiền là 568.000.000 đồng.

Bị đơn chị Lê Thị Kiều D trình bày: ngày 15/10/2020 do bận công việc nên em ruột tôi là Lê Hồng L có gửi tôi giữ dùm số tiền 1.250.000.000 đồng, tôi có làm biên nhận cùng ngày và có ông Lê Văn Th là trưởng ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang là người chứng kiến và ký tên vào biên nhận.

Đến ngày 30/11/2020 ông Lê Hồng L có nhận của tôi số tiền là 250.000.000 đồng, ông L có làm biên nhận cho tôi, đến ngày 15 tháng 12 năm 2020 ông L tiếp tục nhận số tiền 400.000.000 đồng của tôi, ông L có làm giấy biên nhận cho tôi, tổng số tiền hai lần ông L nhận của tôi là 650.000.000 đồng, số tiền còn lại là 600.000.000 đồng, tôi đã trả nợ thay ông L những khoản nợ sau:

+ Ngày 29/5/2020 tôi đưa số tiền 50.000.000 đồng cho chị Lê Thị Cừu O, trú tại Ấp Tân Th, xã Tân H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

+ Ngày 02/6/2020 tôi đưa số tiền 21.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị D, trú tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

+ Ngày 02/6/2020 tôi đưa số tiền 40.000.000 đồng cho chị Lương Thị G, trú tại Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

+ Tôi đưa số tiền 5.000.000 đồng cho anh Lê Minh H là anh ruột của ông Lê Hồng L.

+ Tôi đưa số tiền 6.000.000 đồng cho anh Lê Hồng V là anh ruột của ông Lê Hồng L.

Mặt khác, ông L có nợ của tôi số tiền là 148.000.000đ, trong đó ông L nợ tôi tiền vải là 116.730.000 đồng, tiền mượn và tiền vàng cầm là 12.000.000 đồng, tôi có 03 lần đóng tiền lãi cho bà Lương Thị G thay cho ông L số tiền là 13.500.000 đồng.

Vậy trong tổng số tiền 600.000.000 đồng thì tôi đã trả nợ thay cho ông L và khấu trừ số tiền ông L còn nợ tôi, tổng cộng là 270.000.000 đồng. Vì vậy còn lại số tiền là 330.000.000 đồng tôi đã đưa cho ông L hết, lúc tôi đưa tiền cho ông L thì giữa hai bên không có làm biên nhận.

Tại phiên tòa, tôi yêu cầu khấu trừ số tiền 650.000.000 đồng mà tôi đã đưa ông L để khấu trừ số tiền 1.250.000 đồng mà tôi đã nhận giữ dùm từ ông L. Số tiền

còn lại là 600.000.000 đồng. Tôi đã đứng ra trả nợ 270.000.000 đồng thay cho ông L và số tiền còn lại là 330.000.000 đồng thì tôi đã đưa hết cho ông L, lúc tôi đưa cho ông L giữa hai bên không có làm biên nhận. Vì vậy tôi không đồng ý trả số tiền còn lại là 600.000.000 đồng cho ông L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B trình bày: Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2022 thì bà Dương Thị B cho rằng bà là mẹ ruột của ông Lê Hồng L và bà Lê Thị Kiều D, số tiền 1.250.000 đồng mà bà D đang giữ là tiền của bà Dương Thị B bán nhà, bà Dương Thị B không yêu cầu ông L trả lại số tiền 1.250.000 đồng và bà Dương Thị B cũng không yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Người làm chứng ông Lê Minh H trình bày: Tôi là anh ruột của Lê Thị Kiều D và Lê Hồng L, ông L không có vay tiền của tôi và bà D không có trả nợ thay gì cho ông L. Tôi có nhận 5.000.000 đồng của em tôi là Lê Thị Kiều D mà tôi nhận của em D là của mẹ ruột tôi là bà Dương Thị B bán đất lấy số tiền 5.000.000 đồng đưa cho bà D để bà D đưa 5.000.000 đồng cho tôi.

Người làm chứng ông Lê Minh Th trình bày: theo bản tự khai ngày 24/12/2021 ông Lê Minh Th trình bày: Ngày 15/10/2020, tôi có chứng kiến anh Lê Hồng L gửi chị Lê Thị Kiều D số tiền 1.250.000.000 đồng cho chị D giữ dùm, chị D có làm biên nhận với anh L và tôi có ký vào biên nhận với tư cách là người chứng kiến việc chị D giữ số tiền 1.250.000.000 đồng của anh L.

Người làm chứng bà Lê Thị Cừu O trình bày: Bà Lê Thị Cừu O là chị ruột của ông Lê Hồng L và bà Lê Thị Kiều D. Bà O cho rằng ông L không có vay tiền của bà O. Lúc bà O giao 50.000.000 đồng cho bà D để bà D giao lại cho ông L để ông L xử lý nợ cho bà O, lúc đó bà O không có làm biên nhận với bà D về số tiền 50.000.000 đồng, giữa bà D với ông L cũng không làm biên nhận số tiền 50.000.000 đồng.

Người làm chứng bà Lương Thị G trình bày: Bà Lương Thị G không có quan hệ bà con gì với ông Lê Hồng L và bà Lê Thị Kiều D. Bà G chỉ là người quen biết với bà D, Bà G cho rằng bà không có cho ông L vay tiền. Tuy nhiên, Bà G cho biết bà D có vay của bà G số tiền 40.000.000 đồng, còn việc bà D cho rằng bà D vay 40.000.000 đồng dùm cho ông L thì bà không biết.

Hiện nay, bà D đã trả hết số tiền gốc 40.000.000 đồng cho bà G.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị D trình bày: theo biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2022 chị Di cho rằng chị là hàng xóm với ông Lê Hồng L và bà Lê Thị Kiều D, chị Di có cho ông L vay số tiền gốc là 21.000.000 đồng vào ngày 02/10/2019 (âm lịch), lúc vay thì giữa hai bên có làm biên nhận nhưng ông L

không có ký tên vào biên nhận mượn tiền mà chỉ có vợ ông L là bà Bùi Thị Ch ký tên vào biên nhận mượn tiền. Đến ngày 02/6/2020 (âm lịch) thì ông L đã trả hết nợ 21.000.000 đồng cho chị Di nhưng bà D cho rằng bà D đã trả nợ thay ông L thì chị Di không biết. Lúc trả tiền nợ thì bà D cầm số tiền 21.000.000 đồng đưa cho chị Di để trả nợ thay cho ông L, còn ông L thì không trực tiếp trả nợ số tiền gốc 21.000.000 đồng cho chị Di.

Người làm chứng ông Lê Hồng V trình bày: Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2022 ông Lê Hồng V cho rằng ông có nhận 6.000.000 đồng từ bà Lê Thị Kiều D, số tiền này là của ông Lê Hồng L cho ông V.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2022/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng L.

Bác lời khai nại của bị đơn bà Lê Thị Kiều D

Buộc bà Lê Thị Kiều D trả cho ông Lê Hồng L là 568.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 14/11/2022 bị đơn Bà Lê Thị Kiều D kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử lại bản án mà Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử ngày 08/11/2022 với nội dung như sau: xét lại số tiền 450.000.000 đồng mua đất cất nhà cho mẹ bà; số tiền bà trả cho chị Lương Thị G 40.000.000 đồng, chị Lê Thị Cừu O 50.000.000 đồng thay ông L, tiền vải ông L đã thiếu bà: 148.000.000 đồng.

Ngày 14/11/2022 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử lại bản án mà Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử ngày 08/11/2022 với nội dung số tiền bà bán đất và nhà. Bà chỉ cho ông L 650.000.000 đồng, số tiền còn lại 850.000.000 đồng bà kêu Lê Thị Kiều D lấy 600.000.000 đồng mua đất cất nhà cho bà ở và trả nợ thay ông L. Còn lại 250.000.000 đồng ông L phải trả lại bà.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm***:

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu ông L trả lại bà 250.000.000 đồng.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Lâm Thị Kiều Dung và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, bị đơn; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Dương Thị B không có yêu cầu độc lập nhưng có đơn kháng cáo và chết tại giai đoạn xét xử phúc thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà B.

Về phía bà Dương Thị B sau khi kháng cáo có ủy quyền cho bà D tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng phía bà B đã chết ngày 26/4/2003 và có khai tử, căn cứ Điều 89 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định về chấm dứt người đại diện tham gia tố tụng và điểm d khoản 3 Điều 140 Bộ luật dân sự 2015 thì việc ủy quyền của bà B chấm dứt.

[2] Xét kháng cáo của bà D, Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai ngày 27/12/2021 của bà D (bút lục 26), biên nhận tiền của bà D (bút lục 9) và biên bản hòa giải ngày 23/9/2022, phía bà D thừa nhận có giữ dùm tiền của ông L là 1.250.000.000 đồng, nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, thì đây là chứng cứ có thật việc bà D giữ tiền dùm cho em ruột là ông L. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông L đòi bà D trả lại số tiền 568.000.000 đồng, phía bà D kháng cáo cho rằng đã trả cho ông L hết rồi bao gồm số tiền 450.000.000 đồng mua đất cất nhà cho mẹ bà; số tiền bà trả cho chị Lương Thị G 40.000.000 đồng, chị Lê Thị Kiều Oanh 50.000.000 đồng thay ông L, tiền vải ông L đã thiếu bà: 148.000.000 đồng, nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng cứ chứng minh, qua xác minh bà O và bà G thì họ đều có lời khai là ông L không có vay tiền của họ (bút lục 49, 50), còn những khoản tiền khác phía ông L không thừa nhận và bà D không có chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở pháp lý để Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận

nội dung kháng cáo của bà D. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D nại ra số tiền bà giữ của ông L có nguồn gốc là tiền của mẹ bà bán nhà đưa cho Lâm, nếu bà có chứng cứ thì bà có quyền khởi kiện ông L thành vụ kiện thừa kế do bà cha mẹ của bà đã chết.

Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà D, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà D và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía bà D phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng. Sung vào công quỹ số tiền của bà B nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của Bà Dương Thị B.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Lê Thị kiều Dung.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2022/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 92; Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166, Điều 554, Điều 556, Điều 559 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng L.

2. Bác lời khai nại của bị đơn bà Lê Thị Kiều D.

3. Buộc bà Lê Thị Kiều D có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hồng L số tiền là 568.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Kiều D phải chịu nộp tiền án phí giá ngạch là 26.720.000 đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn ông L không phải chịu nộp tiền án phí. Hoàn trả cho ông L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 24.750.000 đồng theo biên lai thu số 0006134 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà D phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002235 ngày 24/11/2022 và sung vào công quỹ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Dương Thị B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002236 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHA dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Lâm Sơn